TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 446/2019/KDTM-PT
Ngày: 21/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo

Bà Nguyễn Thị Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng thi công.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1727/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3127/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Tập đoàn G.

Địa chỉ: Đường ĐT 747m Khu phố G1, phường G2, thị xã G3, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: ông NG, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 6 Đường số NG1, phường NG2, quận NG3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 12/9/2018).

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần H.

Địa chỉ: 219 đường H1, Phường H2, quận H3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông DB, sinh năm 1979

Địa chỉ: 231/83/22/9 DB1, Phường DB2, Quận DB3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 1141-1211/UQ/HKP.18 ngày 12/11/2018)

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2018 và các lời khai trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn G (có ông NG đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Công ty Cổ phần Tập đoàn G (sau đây gọi tắt là Công ty G) và Công ty Cổ phần H (sau đây gọi tắt là Công ty H) có ký kết các hợp đồng kinh tế số 0712/2015/HLP-TTF ngày 08/12/2015, số 1610/2015/B/HLP-TTF ngày 16/10/2015 và đơn đặt hàng số TT/ACT/2015-01 ngày 16/11/2015. Theo đó, đối với 02 hợp đồng thì Công ty G có trách nhiệm thực hiện việc cung cấp và lắp đặt cửa gỗ, tủ bếp gỗ cho Công ty H thuộc dự án chung cư S – BLOCK B tại phường HBC, phường TB, quận TĐ, TP.HCM. Còn đối với đơn đặt hàng thì Công ty G cung cấp và lắp đặt cửa gỗ, phụ kiện căn hộ mẫu Auris City cho Công ty H tại đường VVK, Phường K1, Quận K2, TP.HCM. Tổng giá quyết toán (sau thuế) của hai hợp đồng và một đơn hàng nói trên là 5.168.174.081 đồng. Sau khi Công ty G thực hiện xong việc thi công, lắp đặt thì giữa Công ty G và Công ty H đã lập biên bản nghiệm thu công trình và biên bản thanh lý hợp đồng, lập bản diễn giải chi tiết giá trị quyết toán khối lượng, giá trị công việc hoàn thành đối với từng hợp đồng, từng đơn hàng. Căn cứ vào biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 25/11/2017 được ký giữa Công ty G và Công ty H thể hiện Công ty H còn nợ Công ty G số tiền nợ gốc là 3.644.935.734 đồng.

Công ty G đã nhiều lần gửi thư thông báo thu hồi nợ nhưng Công ty H vẫn không thanh toán. Do vậy, Công ty G khởi kiện yêu cầu Công ty H phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 3.644.935.734 đồng.

Ngoài ra, Công ty G còn yêu cầu Công ty H phải thanh toán khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định của Luật thương mại tính từ khi hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng (ngày 23/11/2016) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Theo biên bản thanh lý hợp đồng thì Công ty H có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại 1.966.104.918 đồng của hợp đồng số 1610/2015/B/HLP-TTF ngày 08/12/2015 trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Riêng đối với đơn đặt hàng số TT/ACT/2015-01 ngày 16/11/2015, mặc dù trong biên bản thanh lý đơn hàng số TT/ACT/2015-01 ngày 22/01/2016 thể hiện Công ty H có trách nhiệm thanh toán số tiền 25.688.300 đồng trong vòng 03 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Do đó, tiền lãi quá hạn sẽ được tính từ ngày 07/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của Luật Thương mại, áp dụng chung cả 02 hợp đồng và đơn đặt hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 12,75%/năm. Mặc dù, tính đến ngày xét xử số tiền lãi nợ quá hạn trung bình gần 1.000.000.000 đồng, nhưng Công ty G chỉ yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền lãi tổng cộng là 900.000.000 đồng

Tổng số tiền gốc và lãi mà Công ty G yêu cầu Công ty H phải trả là 4.544.935.734 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực

pháp luật. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 18/10/2018.

- Bị đơn Công ty Cổ phần H (có ông DB đại diện theo ủy quyền) trình bày: Công ty H xác nhận ngày 25/11/2017, giữa Công ty G và Công ty H có lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa hai bên. Theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ này thì Công ty H xác nhận còn nợ Công ty G số tiền nợ gốc là 3.644.935 đồng phát sinh từ các hợp đồng kinh tế số 0712/2015/HLP-TTF ngày 08/12/2015, số 1610/2015/B/HLP-TTF ngày 16/10/2015 và đơn đặt hàng số TT/ACT/2015-01 ngày 16/11/2015.

Tuy nhiên, do hiện nay Công ty H còn gặp khó khăn về tài chính, chưa thu hồi được hết các công nợ từ khách hàng nên đề nghị Công ty G miễn toàn bộ tiền lãi phát sinh. Đồng thời, trên tinh thần của biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/11/2017 được ký giữa hai bên thì Công ty G không tính tiền lãi phát sinh mà chỉ yêu cầu Công ty H trả nợ gốc. Đối với số tiền nợ gốc này, Công ty H đề nghị được chia đều mỗi tháng và trả dần trong vòng 01 năm kể từ tháng 3/2019.

Riêng đối với khoản tiền lãi, đề nghị Công ty G miễn toàn bộ. Vì hiện nay Công ty H còn gặp khó khăn về tài chính, chưa thu hồi được hết các công nợ từ chủ đầu tư. Ngoài ra, trong những buổi làm việc giữa Công ty G và Công ty H, Công ty G cũng cam kết miễn toàn bộ tiền lãi phát sinh (nhưng chỉ thỏa thuận miệng giữa đại diện hai bên, mà không thể hiện bằng văn bản). Điều này cũng phù hợp với biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/11/2017, Công ty G chỉ yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 3.644.935.734 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 18/10/2018 để Công ty H có tiền chi trả các khoản cho hoạt động của công ty vào cuối năm.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 43/2019/KDTM-ST ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại;

- Cắn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn G.

Buộc Công ty Cổ phần H phải trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn G số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/01/2019) là 4.544.935.734 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 3.644.935.734 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 900.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Tập đoàn G, nếu Công ty Cổ phần H không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần H còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.544.936 (một trăm mười hai triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi sáu) đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần Tập đoàn G không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.157.000 (năm mươi sáu triệu một trăn năm mươi bảy ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0041245 ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 01 năm 2019 bị đơn – Công ty Cổ phần H đã có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm Công ty H đã chuyển trả thanh toán cho Công ty G số tiền 4.250.000.000 đồng và nguyên đơn cũng đã làm đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm ra Quyết định Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do đó nay nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền còn lại là 64.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần H thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn G số tiền nợ là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí: Hai bên thỏa thuận án phí được giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử

phúc thẩm căn cứ Điều 300, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như ý kiến trình bày của các đương sự và phát biểu của kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Về án phí: Công ty Cổ phần H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 148, Điều 300, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 5, Điều 29, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Công nhận sự thoả thuận giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần Tập đoàn G (có ông NG là đại diện) và bị đơn là Công ty Cổ phần H (có ông DB là đại diện).

Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Công ty Cổ phần H đồng ý thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn G số tiền nợ là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 486 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- **Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm**: Công ty Cổ phần H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Công ty Cổ phần Tập đoàn G không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 56.157.000 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm năm mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0041245 ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm** là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), Công ty Cổ phần H phải chịu. (Đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0041601 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Chinh